

CHÍNH PHỦ
Số: 74/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về phòng, chống rửa tiền

CHÍNH PHỦ

Nhằm thực hiện mục tiêu phòng, chống rửa tiền, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 1999;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về cơ chế và các biện pháp phòng, chống rửa tiền ở Việt Nam trong các giao dịch tiền tệ hay tài sản khác; trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống rửa tiền; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài và những người không có quốc tịch cư trú hoặc hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, có giao dịch hoặc cung ứng dịch vụ cho khách hàng liên quan đến giao dịch tiền tệ hay tài sản khác tại Việt Nam.

2. Nghị định này cũng áp dụng đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài không cư trú, không hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng có giao dịch hoặc cung ứng dịch vụ cho khách hàng liên quan đến giao dịch tiền tệ hay tài sản khác tại Việt Nam.

3. Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Rửa tiền* là hành vi của cá nhân, tổ chức tìm cách hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có thông qua các hoạt động cụ thể sau đây:

a) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào một giao dịch liên quan đến tiền, tài sản do phạm tội mà có;

b) Thu nhận, chiếm giữ, chuyển dịch, chuyển đổi, chuyển nhượng, vận chuyển, sử dụng, vận chuyển qua biên giới tiền, tài sản do phạm tội mà có;

c) Đầu tư vào một dự án, một công trình, góp vốn vào một doanh nghiệp hoặc tìm cách khác che đậy, ngụy trang hoặc cản trở việc xác minh nguồn gốc, bản chất thật sự hoặc vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do phạm tội mà có.

2. *Định chế tài chính* là bất kỳ tổ chức nào có tiến hành kinh doanh một hoặc nhiều hoạt động, gồm: nhận tiền gửi; cho vay; thuê mua tài chính; chuyển tiền hay giá trị; phát hành và quản lý các phương tiện thanh toán; bảo lãnh và cam kết tài chính; kinh doanh ngoại hối, các công cụ thị trường tiền tệ, chứng khoán có thể chuyển nhượng; tham gia phát hành chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư của cá nhân, tập thể; quản lý tiền mặt hoặc chứng khoán thanh khoản thay mặt cho cá nhân hay tập thể khác; đầu tư, quản lý vốn hoặc tiền đại diện cho cá nhân, tập thể khác; bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm liên quan đến các khoản đầu tư khác; đổi tiền.

3. *Giao dịch tiền tệ hay tài sản khác* (dưới đây gọi chung là giao dịch) là những giao dịch tạo ra sự chuyển đổi, chuyển dịch hoặc thay đổi quyền sở hữu về tiền, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

4. *Nhận biết khách hàng* là những thủ tục cần thiết thực hiện theo quy định tại Nghị định này nhằm nắm bắt được những thông tin có liên quan tới cá nhân, tổ chức có giao dịch tiền tệ hay tài sản khác.

5. *Thông tin nhận biết* là những thông tin có được theo khoản 3 Điều 8 Nghị định này, được sử dụng để xác định các bên liên quan, mục đích và tính chất của giao dịch.

6. *Cơ quan nhà nước có thẩm quyền* là bất cứ cơ quan nhà nước nào có chức năng quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, thu thập, xử lý thông tin, điều tra hoặc xử lý hành vi liên quan tới rửa tiền theo quy định tại Nghị định này.

7. *Giao dịch đáng ngờ* là bất cứ giao dịch nào có dấu hiệu bất thường hoặc liên quan đến rửa tiền, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cảnh báo hoặc được xác định theo quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc trong phòng, chống rửa tiền

1. Việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý rửa tiền phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia; bảo đảm hoạt động bình thường về kinh tế, đầu tư; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; chống lạm quyền, lợi dụng việc phòng, chống rửa tiền để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền phải trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, các bên cùng có lợi và được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

Điều 5. Trách nhiệm tham gia phòng, chống rửa tiền

1. Phòng, chống rửa tiền là trách nhiệm của mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức.

2. Nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc tạo điều kiện cho hoạt động rửa tiền.

3. Nhà nước có chính sách khuyến khích, bảo vệ cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống rửa tiền; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đã có hành vi rửa tiền tự ra đầu thú hoặc khai báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức đấu tranh chống tội phạm có liên quan đến rửa tiền.

Điều 6. Các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phòng, chống rửa tiền

1. Các định chế tài chính có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền theo Nghị định này gồm:

- a) Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
- b) Các tổ chức môi giới, đầu tư tiền tệ hoặc cung ứng dịch vụ thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam;
- c) Các tổ chức phát hành, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, lưu ký, thanh toán bù trừ chứng khoán;
- d) Các tổ chức có đăng ký kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, đá quý;
- đ) Các công ty bảo hiểm, môi giới bảo hiểm và các tổ chức có hoạt động liên quan tới các chương trình hưu trí hay an sinh, kinh tế, xã hội;
- e) Các tổ chức tại Việt Nam thay mặt hoặc đại diện cho các định chế tài chính của nước ngoài.

2. Các cá nhân, tổ chức khác có trách nhiệm phòng, chống rửa tiền theo quy định tại Nghị định này gồm:

- a) Các luật sư, các công ty tư vấn pháp lý, các văn phòng luật sư, các công ty luật hợp danh khi thực hiện các giao dịch tiền tệ hay tài sản khác thay mặt cho khách hàng;
- b) Các tổ chức kinh doanh trò chơi may rủi, sòng bạc hoặc xổ số; các tổ chức kinh doanh có khuyến mại lớn đối với khách hàng;
- c) Các công ty dịch vụ buôn bán bất động sản có đăng ký kinh doanh;
- d) Các cá nhân được phép hoạt động hoặc kinh doanh như một trong những định chế tài chính nêu tại khoản 1 Điều này.

Chương II

Các biện pháp phòng, chống rửa tiền

Điều 7. Các biện pháp phòng ngừa chung

1. Các định chế tài chính nêu tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau:

- a) Xây dựng quy trình kiểm soát, kiểm toán nội bộ bảo đảm cho việc phòng, chống rửa tiền có hiệu quả và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Bố trí cán bộ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chính sách, kế hoạch, quy trình, biện pháp phòng, chống rửa tiền;
- c) Xây dựng quy trình tìm hiểu, cập nhật thông tin và thủ tục nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;
- d) Lưu giữ, cập nhật số liệu và báo cáo các giao dịch theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;
- đ) Kịp thời thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong việc phòng, chống rửa tiền;
- e) Đào tạo nhân viên để nâng cao trách nhiệm của nhân viên trong việc phòng, chống rửa tiền;
- g) áp dụng theo thẩm quyền các biện pháp tạm thời quy định tại Điều 11 Nghị định này.

2. Các cá nhân, tổ chức nêu tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này có trách nhiệm thực hiện quy định tại các điểm c, d, đ, g khoản 1 Điều này.

Điều 8. Nhận biết khách hàng

1. Các trường hợp cần nhận biết khách hàng theo quy định tại Nghị định này gồm:

- a) Khi khách hàng là cá nhân hay tổ chức mở tài khoản lần đầu;
- b) Khi xuất hiện các giao dịch tiền mặt như quy định tại Điều 9 Nghị định này;
- c) Khi các giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;
- d) Tùy theo tính chất và quy mô giao dịch mà các cá nhân, tổ chức nêu tại Điều 6 Nghị định này thấy cần phải nhận biết.

2. Yêu cầu nhận biết khách hàng:

- a) Bảo đảm độ tin cậy, kịp thời của thông tin nhận biết khách hàng;